

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GK II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGỮ VĂN 10

- + Nhận biết: 2 câu (0,75 điểm/câu)
- + Thông hiểu: 2 câu (0,75 điểm/câu)
- + Vận dụng: 1 câu (1,0 điểm)

- + Về một vấn đề trong văn bản đọc hiểu
- + Về một vấn đề xã hội

- + Phân tích, đánh giá một tác phẩm VH (chủ đề và nhân vật trong TP truyện)
- + Viết bài văn nghị luận về một vấn đề XH
- + Viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ trữ tình trung đại (Thơ của Nguyễn Trãi)

- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.
- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.
- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ
- Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.
- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.
- Vận dụng những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đánh giá ý nghĩa, giá trị của thơ Nguyễn Trãi.

2. Văn xuôi hiện đại (truyện ngắn, tiểu thuyết)

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- Nhận biết được ngôi kể, điểm nhìn, đặc điểm của lời nhân vật, lời người kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.
- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.
- Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật...

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.
- Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.
- Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác.

Vận dụng:

- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.

3. Văn nghị luận (Trung đại)**Nhận biết:**

- Nhận biết được các thể văn nghị luận tiêu biểu thời trung đại; bố cục văn bản.
- Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản.

Thông hiểu:

- Xác định được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.
- Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.
- Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

Vận dụng:

- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.
- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.
- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh thời đại và tác giả Nguyễn Trãi để lí giải, đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn nghị luận Nguyễn Trãi.

4. Kiến thức tiếng Việt

Biện pháp chêm xen, liệt kê. Sử dụng từ Hán Việt.

II. Làm văn

1. Viết Đoạn văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong VB đọc hiểu hoặc viết đoạn Nghị luận về một vấn đề xã hội

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn và chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Thông hiểu:

- Biết cách triển khai vấn đề một cách hợp lí.
- Biết cách nêu quan điểm cá nhân về vấn đề.
- Biết cách sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Vận dụng:

- Biết so sánh, liên hệ, kết nối để làm nổi bật ý nghĩa của vấn đề nghị luận.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho đoạn văn.

2. Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện

Nhận biết:

- Biết cấu trúc của một văn bản nghị luận.
- Biết viết đúng chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.
- Giới thiệu được đầy đủ thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm.

Thông hiểu:

- Nêu được nét riêng về chủ đề tác phẩm
- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm.
- Biết sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.

3. Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ Trung đại

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận.
- Đảm bảo bố cục 3 phần của bài văn; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

Thông hiểu:

- Biết cách triển khai các ý để làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Biết bám sát đặc trưng thể loại để phân tích, làm nổi bật giá trị của tác phẩm/đoạn trích.
- Biết phối hợp các thao tác lập luận để phân tích, làm sáng tỏ vấn đề.

Vận dụng:

- Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích.
- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.
- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

C. KỸ NĂNG LÀM BÀI

1. Nắm vững kỹ năng làm văn: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.
2. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và kỹ năng viết đoạn/bài văn nghị luận để viết một bài văn nghị luận có bố cục chặt chẽ, logic, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, giàu cảm xúc.

C. ĐỀ THAM KHẢO

PHẦN I: ĐỌC - HIỂU

Đọc đoạn trích sau:

“Ta thường nghe: Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dư Nhượng nuốt than, báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước. Kính Đức một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thái Sung; Cảo Khanh một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có?”

(Hịch tướng sĩ- Trần Quốc Tuấn)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1 (0,75 điểm): Nêu nội dung của văn bản?

Câu 2 (0,75 điểm): Xác định một phép tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản?

Câu 3 (0,75 điểm): Nhận xét về điểm chung của những nhân vật được nhắc đến trong văn bản?

Câu 4 (0,75): Giải thích ý nghĩa của các từ Hán Việt: *Trung thần, nghĩa sĩ*

Câu 5 (1,0 điểm): Thông điệp em nhận được sau khi đọc văn bản là gì? Giải thích vì sao? (Trả lời khoảng từ 5 đến 7 dòng)

PHẦN II: LÀM VĂN (6 điểm):

Câu 1 (2 điểm): Nghị luận xã hội

Từ nội dung văn bản, hãy viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 150 chữ) với chủ đề: *Lòng yêu nước của tuổi trẻ.*

Câu 2 (4 điểm): Nghị luận văn học

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 - 600 chữ) phân tích, đánh giá tác phẩm truyện sau:

BÍ ẨN CỦA LÀN NƯỚC

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu lần câu chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hằng hà những đốm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trùng đỉnh lũ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi âm âm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh, tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ giờ đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã có cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... con trai... Để em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỗi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt. Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quẫy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc với lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối lên một tiếng thảng thốt, và “ùm”, con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi...! Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, bùn ngầu, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi với kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên đại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ứa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ơn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải qua một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chần chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi... - Tôi khóc, đỡ lấy bọc chần, - Con tôi.

Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra sông để ngắm dòng nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là niềm đau không thể nói nên lời.

(Bảo Ninhⁱ- Những truyện ngắn, NXB Trẻ, 2021, tr.21-24.)

.....Hết.....

Chú thích

ⁱ Nhà văn Bảo Ninh tên thật là Hoàng Ấu Phương, sinh năm 1952, tại Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Quê ông ở Xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh (nay thuộc thành phố Đồng Hới), tỉnh Quảng Bình. Ông vào bộ đội năm 1969, chiến đấu ở mặt trận Tây Nguyên. Sau 1975, ông giải ngũ, học đại học, rồi làm ở Viện Khoa học Việt Nam. Từ 1984-1986, ông học khoá 2 trường viết văn Nguyễn Du (Nay là khoa Viết văn – Báo chí, Đại học Văn hoá Hà Nội). Sau đó, ông làm báo, viết văn ở Hà Nội. Bảo Ninh được biết tới với những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh và hậu chiến, mà nổi tiếng nhất là tiểu thuyết Nỗi buồn chiến tranh, in lần đầu với tên gọi Thân phận của tình yêu (1990). Tác phẩm được đánh giá là tiểu thuyết viết về chiến tranh hay nhất trong văn học hiện đại Việt Nam, được dịch và xuất bản ở 20 quốc gia, giúp nhà văn đạt nhiều giải thưởng cao quý như giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam 1991, giải thưởng văn học châu Á (2018). Ngoài ra, Bảo Ninh còn được biết đến là cây bút truyện ngắn xuất sắc. Ông là nhà văn có nhiều đóng góp trọng trong công cuộc đổi mới văn xuôi Việt Nam hiện đại giai đoạn từ sau 1975 tới nay.